|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **BỘ TÀI CHÍNH** |  | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
|  |  | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /TTr-BTC |  | *Hà Nội, ngày tháng năm 2024* |

**TỜ TRÌNH**

 **Về đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội**

**về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp**

Kính gửi: Chính phủ

Căn cứ Kế hoạch số 81/KH-UBTVQH15 ngày 05/11/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (UBTVQH) triển khai thực hiện Kết luận số 19-KL/TW của Bộ Chính trị và Đề án định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV, Chính phủ đã có Báo cáo số 71/BC-CP ngày 16/3/2023 gửi UBTVQH về Kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch số 81/KH-UBTVQH15, trong đó có báo cáo về kết quả nghiên cứu, rà soát Luật thuế sử dụng đất phi nông nghiệp (SDĐPNN) và Luật thuế sử dụng đất nông nghiệp (SDĐNN).

 Theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, thực hiện chỉ đạo của Lãnh đạo Chính phủ, Bộ Tài chính đã tiến hành rà soát, tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện các chính sách thuế hiện hành liên quan đến bất động sản (BĐS) (báo cáo trình kèm), thu thập kinh nghiệm quốc tế; chuẩn bị hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế SDĐNN; gửi xin ý kiến các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân (UBND) các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (gọi chung là UBND cấp tỉnh), lấy ý kiến rộng rãi các tổ chức, cá nhân có liên quan trên Cổng Thông tin điện tử của Chính phủ, của Bộ Tài chính và tổng hợp giải trình ý kiến tham gia; gửi lấy ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp và tổng hợp, giải trình ý kiến thẩm định để trình Chính phủ xem xét, quyết định.

 Bộ Tài chính xin trình Chính phủ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế SDĐNN như sau:

 **I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT**

 Chính sách thuế SDĐNN được thực hiện theo quy định của Luật thuế SDĐNN năm 1993, Pháp lệnh số 31-L/CTN ngày 29/3/1994 của UBTVQH về thuế bổ sung đối với hộ gia đình SDĐNN vượt quá hạn mức diện tích đất.

Theo quy định của Luật thuế SDĐNN thì tổ chức, cá nhân sử dụng đất vào sản xuất nông nghiệp phải nộp thuế SDĐNN. Đối tượng chịu thuế SDĐNN là đất dùng vào sản xuất nông nghiệp bao gồm đất trồng trọt; đất có mặt nước nuôi trồng thuỷ sản; đất rừng trồng. Căn cứ tính thuế SDĐNN được xác định theo diện tích đất, hạng đất và định suất thuế tính bằng kg thóc trên một đơn vị diện tích của từng hạng đất (Trong đó: Hạng đất căn cứ vào các yếu tố: Chất đất, vị trí, địa hình, điều kiện khí hậu và thời tiết, điều kiện tưới tiêu; Định suất thuế tính bằng kg thóc/ha quy định riêng đối với từng loại đất: Đất trồng cây hàng năm và đất có mặt nước nuôi trồng thuỷ sản từ 50 kg đến 550 kg thóc/ha; Đất trồng cây lâu năm từ 80 kg đến 650 kg thóc/ha; Cây ăn quả lâu năm trồng trên đất trồng cây hàng năm bằng 1,3 lần thuế đối với đất trồng cây hàng năm cùng hạng 1, 2, 3 và bằng thuế đất trồng cây hàng năm cùng hạng 4, 5, 6; riêng đối với cây lấy gỗ và các loại cây lâu năm thu hoạch một lần: thuế SDĐNN tính bằng 4% giá trị sản lượng khai thác. Giá thóc thu thuế do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định sát giá thị trường và không được thấp hơn 10% so với giá thị trường tại địa phương).

Luật thuế SDĐNN quy định việc miễn, giảm thuế SDĐNN như sau: (i) Miễn thuế đối với đất đồi, núi trọc dùng vào sản xuất nông, lâm nghiệp, đất trồng rừng phòng hộ và rừng đặc dụng; đối với các hộ nông dân là người tàn tật, già yếu không nơi nương tựa; đối với hộ nộp thuế có thương binh hạng 1/4 và 2/4, bệnh binh hạng 1/3 và 2/3; (ii) Miễn thuế có thời hạn đối với đất khai hoang dùng vào sản xuất; đất trồng cây lâu năm chuyển sang trồng lại mới và đất trồng cây hàng năm chuyển sang trồng cây lâu năm, cây ăn quả; hộ di chuyển đến vùng kinh tế mới khai hoang để sản xuất nông nghiệp; (iii) Giảm thuế trong trường hợp thiên tai, địch hoạ làm thiệt hại mùa màng; đối với hộ nộp thuế có thương binh, bệnh binh không thuộc diện miễn thuế mà đời sống có nhiều khó khăn; (iv) Miễn thuế hoặc giảm thuế cho các hộ nông dân sản xuất ở vùng cao, miền núi, biên giới và hải đảo và đối với các hộ nông dân là dân tộc thiểu số mà sản xuất và đời sống còn nhiều khó khăn; đối với hộ nộp thuế là gia đình liệt sỹ.

Thực hiện chủ trương xóa đói, giảm nghèo của Đảng và Nhà nước, đồng thời hỗ trợ đối với nông dân, khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp, chính sách miễn, giảm thuế SDĐNN được thực hiện từ năm 2001 đến nay. Theo quy định hiện hành thì chính sách thuế SDĐNN đang được miễn đến hết ngày 31/12/2025 theo Nghị quyết số 55/2010/QH12 ngày 24/11/2010, Nghị quyết số 28/2016/QH14 ngày 11/11/2016 và Nghị quyết số 107/2020/QH14 ngày 10/6/2020 của Quốc hội, trừ diện tích đất nông nghiệp mà Nhà nước giao cho tổ chức quản lý nhưng không trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp mà giao cho tổ chức, cá nhân khác nhận thầu theo hợp đồng để sản xuất nông nghiệp.

Tổng kết, đánh giá 20 năm thực hiện chính sách miễn, giảm thuế SDĐNN cho thấy, tổng số thuế SDĐNN miễn, giảm giai đoạn 2003-2010 trung bình khoảng 3.268,5 tỷ đồng/năm; giai đoạn từ 2011-2016 trung bình khoảng 6.308,3 tỷ đồng/năm; giai đoạn 2017-2018 và đến hết năm 2020 khoảng 7.438,5 tỷ đồng/năm; giai đoạn 2021-2023 trung bình khoảng 7.500 tỷ đồng/năm. Chính sách miễn, giảm thuế SDĐNN là giải pháp có tác động lớn, quan trọng góp phần thực hiện chủ trương, quan điểm của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong từng thời kỳ; Góp phần hỗ trợ trực tiếp người nông dân, khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư vào nông nghiệp, nông dân, nông thôn; Khuyến khích tập trung đất đai để sản xuất nông nghiệp với quy mô lớn, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn theo hướng hiện đại hóa, góp phần cải thiện, nâng cao đời sống nông dân, tạo việc làm cho khu vực nông thôn, khuyến khích người nông dân gắn bó hơn với đất, yên tâm đầu tư sản xuất nông nghiệp; Góp phần nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp trên thị trường trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế.

Trong thời gian tới, việc tiếp tục thực hiện miễn thuế SDĐNN như quy định hiện hành là cần thiết xuất phát từ các lý do sau:

**1. Tiếp tục thể chế hóa quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn**

Nông nghiệp, nông dân, nông thôn có vị trí chiến lược trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, là cơ sở và lực lượng quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) bền vững, giữ vững ổn định chính trị.

Hiến pháp năm 2013 đã hiến định: *“Đất đai... là tài sản công thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý”*. *“Đất đai là tài nguyên đặc biệt của quốc gia, nguồn lực quan trọng phát triển đất nước, được quản lý theo pháp luật”*. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai, Nhà nước đã ban hành các chính sách tài chính đối với đất đai, trong đó chính sách thuế SDĐNN được xây dựng nhằm khuyến khích SDĐNN có hiệu quả, thực hiện công bằng, hợp lý sự đóng góp của tổ chức, cá nhân SDĐNN vào ngân sách nhà nước (NSNN), tạo nguồn lực mới để phát triển KT-XH, góp phần thực hiện chiến lược phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước ta đã luôn quan tâm đến việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính sách thuế đồng bộ, thống nhất, công bằng, hiệu quả, phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; phù hợp với thông lệ quốc tế. Các văn kiện, Nghị quyết của Đảng và Nhà nước gần đây đã tiếp tục đề ra nhiều chủ trương, định hướng quan trọng cho việc hoàn thiện chính sách thuế nói chung và chính sách thuế SDĐNN nói riêng. Cụ thể như sau;

- Tại Kết luận số 54-KL/TW ngày 07/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn có nêu: *“Nông nghiệp, nông dân, nông thôn có vị trí chiến lược lâu dài và là nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu trong sự nghiệp phát triển KT-XH của đất nước ta”;* và đưa ra giải pháp: *“Đẩy mạnh chủ trương tích tụ, tập trung đất đai phục vụ phát triển sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, có sức cạnh tranh cao...”; “Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách, trước hết là cơ chế, chính sách có liên quan đến đất đai, thuế...”*.

- Tại Kết luận số 36-KL/TW ngày 06/9/2018 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 khóa XI về tiếp tục đổi mới chính sách, pháp luật về đất đai trong thời kỳ đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại, đã nêu giải pháp: *“Hoàn thiện chính sách thuế đối với đất nông nghiệp nhằm khuyến khích, nâng cao hiệu quả sử dụng đất, khắc phục tình trạng đất bỏ hoang, sử dụng sai mục đích”.*

- Tại Kết luận số 81-KL/TW ngày 29/7/2020 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh lương thực quốc gia đến năm 2030 đưa ra nhiệm vụ, giải pháp: *“Tiếp tục cơ cấu lại để phát triển sản xuất, chế biến, tiêu thụ lương thực, thực phẩm theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn, hợp tác liên kết theo chuỗi giá trị”; “rà soát, sửa đổi, hoàn thiện cơ chế, chính sách đất đai, tài chính, bảo hiểm, tín dụng, thúc đẩy sản xuất nông nghiệp theo hướng bền vững”.*

*-* Tại Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban chấp hành Trung ương về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất, tạo động lực đưa nước ta trở thành nước phát triển có thu nhập cao: *“...Rà soát chính sách pháp luật về thuế SDĐPNN và thuế SDĐNN, xây dựng chính sách, pháp luật về thuế sử dụng đất theo thông lệ quốc tế, phù hợp với trình độ phát triển, điều kiện cụ thể và lộ trình thích hợp...”.*

- Tại Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 có nêu nhiệm vụ, giải pháp: *“...Hoàn thiện chính sách, pháp luật về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Sửa đổi, bổ sung chính sách, pháp luật đất đai bảo đảm quản lý, sử dụng bền vững, hiệu quả đất nông nghiệp, thúc đẩy tích tụ, tập trung, sử dụng linh hoạt, hiệu quả đất lúa... Hoàn thiện chính sách phát triển trang trại, kinh tế hộ, kinh tế tập thể, liên kết...”.*

- Tại Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban chấp hành Trung ương về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới đưa ra nhiệm vụ, giải pháp: *“Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích các tổ chức kinh tế tập thể tích tụ đất đai cho sản xuất kinh doanh, nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp để hình thành chuỗi sản xuất, cung cấp dịch vụ chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông, lâm, ngư nghiệp quy mô lớn”.*

- Tại Luật Đất đai số 31/2024/QH15 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2025) đã quy định về khuyến khích đầu tư sử dụng đất đai:*“Tập trung đất đai để sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp quy mô lớn”* (Điều 8);*“Nhà nước có chính sách khuyến khích tổ chức, cá nhân thực hiện tập trung đất để sản xuất nông nghiệp”* (Khoản 3 Điều 192).

- Tại Quyết định số 124/QĐ-TTg ngày 02/02/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển sản xuất ngành nông nghiệp đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030 nêu giải pháp:*“Tạo điều kiện cho kinh tế hộ gia đình phát triển sản xuất hàng hóa theo hướng mở rộng quy mô trang trại”.*

- Tại Quyết định số 537/QĐ-TTg ngày 10/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai Kết luận số 54-KL/TW ngày 07/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn giao Bộ Tài chính: *“Chủ trì rà soát, sửa đổi, bổ sung chính sách thuế, phí theo hướng tạo thuận lợi cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của ngành nông nghiệp, thu hút các thành phần kinh tế đầu tư vào khu vực nông nghiệp, nông thôn”.*

Thực hiện các chủ trương nêu trên, để khuyến khích hơn nữa tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; khuyến khích phát triển kinh tế trang trại; khuyến khích phát triển xây dựng cánh đồng lớn; góp phần chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp, nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, đẩy nhanh ứng dụng khoa học kỹ thuật và công nghệ trong sản xuất nông nghiệp đạt năng suất, chất lượng cao thì cần thiết phải tiếp tục thực hiện chính sách miễn thuế SDĐNN trong giai đoạn tới.

**2. Tiếp tục khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, góp phần tái cơ cấu ngành nông nghiệp**

Nông nghiệp, nông dân, nông thôn là ba thành tố không thể tách rời, có vai trò, vị trí trong sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, là cơ sở, lực lượng to lớn trong phát triển KT-XH. Nông nghiệp là lợi thế quốc gia, nguồn lực của đất nước phải tiếp tục ưu tiên đầu tư cho nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Trong đó, tổ chức, doanh nghiệp đóng vai trò trung tâm, đặc biệt quan trọng trong việc thúc đẩy phát triển ngành nông nghiệp.

Đối với tổ chức, doanh nghiệp đầu tư sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp thì vốn và đất đai là hai nguồn lực quan trọng nhất. Nhận thức được tầm quan trọng của việc tiếp cận đất đai, trong thời gian qua Quốc hội và Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp[[1]](#footnote-1), trong đó có chính sách miễn thuế SDĐNN. Các chính sách này được đánh giá là có tác động tích cực, góp phần giảm chi phí đầu vào của doanh nghiệp, thúc đẩy các doanh nghiệp quan tâm, đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp. Tuy nhiên, việc khuyến khích tổ chức, doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp còn nhiều hạn chế, đặc biệt là quỹ đất nông nghiệp chưa đáp ứng yêu cầu sản xuất của doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, tổ chức, doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp hiện nay còn nhiều tồn tại. Tổ chức kinh tế tập thể[[2]](#footnote-2), đặc biệt là hoạt động phát triển của hợp tác xã nông nghiệp đa số có quy mô nhỏ[[3]](#footnote-3), chủ yếu phát triển theo chiều rộng, không đồng đều giữa các địa phương, hiệu quả thấp và sức cạnh tranh chưa cao[[4]](#footnote-4), chưa tương xứng với tiềm năng và lợi thế. Số lượng doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp còn khá khiêm tốn. Thống kê của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho thấy hiện cả nước có khoảng trên 50.000 doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, một con số rất khiêm tốn so với tổng số trên 900.000 doanh nghiệp đang hoạt động ở nước ta. Số doanh nghiệp đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp chỉ chiếm khoảng 5.5% tổng số doanh nghiệp trên cả nước, trong đó có khoảng 96% là doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ. So với tiềm năng và tỷ trọng ngành nông nghiệp trong nền kinh tế, số lượng doanh nghiệp như hiện nay còn khá ít, quy mô của các doanh nghiệp nông nghiệp còn hạn chế, sự phát triển của các doanh nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp còn rất khiêm tốn so với tiềm năng, lợi thế phát triển, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển nông nghiệp trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế. Theo đó, để góp phần đạt mục tiêu về số lượng doanh nghiệp hoạt động đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp đến năm 2030 và tăng tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản đạt khoảng 3%/năm, việc tiếp tục thực hiện chính sách miễn thuế SDĐNN đối với các tổ chức trực tiếp SDĐNN để sản xuất nông nghiệp là một trong những giải pháp hỗ trợ hiệu quả.

Đối với hộ gia đình, cá nhân sản xuất nông nghiệp cũng cần phải tiếp tục có chính sách ưu đãi miễn thuế SDĐNN cho giai đoạn tiếp theo nhằm hỗ trợ, khuyến khích tích tụ, tập trung đất đai để đầu tư sản xuất nông nghiệp. Việc thực hiện chính sách miễn thuế SDĐNN đối với hộ gia đình, cá nhân cùng với các chính sách khuyến khích tổ chức, doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp sẽ tạo ra thể chế chính sách ưu đãi thống nhất, hợp lý để khuyến khích các nguồn lực đầu tư của xã hội vào lĩnh vực nông nghiệp.

**3. Tiếp tục góp phần bảo đảm vững chắc an ninh lương thực quốc gia và ổn định KT-XH**

An ninh lương thực quốc gia là vấn đề quan trọng, thiết yếu của đất nước cả trước mắt và lâu dài, đặc biệt nguồn cung và khả năng tiếp cận lương thực đang chịu tác động lớn từ tình hình thương mại toàn cầu biến động, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh, quá trình công nghiệp hóa. Một trong các mục tiêu đến năm 2030[[5]](#footnote-5) để đảm bảo an ninh lương thực quốc gia là nâng cao hiệu quả SDĐNN, giữ ổn định 3,5 triệu ha đất lúa.

Lý luận và thực tiễn đều khẳng định tập trung đất đai trong nông nghiệp là một xu thế tất yếu để đưa sản xuất nông nghiệp lên sản xuất hàng hóa, tập trung có quy mô lớn, có liên kết chặt chẽ, có kế hoạch và phân phối lợi ích hài hòa giữa sản xuất và tiêu thụ nông sản hàng hóa. Kinh nghiệm đối với tập trung đất nông nghiệp để phát triển sản xuất hàng hóa tại các nước trên thế giới[[6]](#footnote-6) cho thấy các quốc gia đều có đặc điểm chung là quản lý thông qua tác động chính sách tới SDĐNN cho phát triển kinh tế trang trại, kinh tế hộ. Cùng với sự phát triển của kinh tế thị trường, các hỗ trợ chính sách tài chính của Nhà nước là phổ biến, thực tiễn và có hiệu quả.

Sản xuất nông nghiệp của Việt Nam đang dần được cải thiện về quy mô và chất lượng nhưng hiệu quả vẫn chưa cao. Một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng trên là do việc đất sử dụng trong sản xuất nông nghiệp hiện còn manh mún, phân tán nhỏ lẻ, đất đai phục vụ sản xuất nông nghiệp trên diện rộng không nhiều, gây trở ngại lớn cho việc phát triển sản xuất trên quy mô lớn và khó khăn trong việc áp dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến. Trong những năm qua, việc hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách bảo đảm an ninh lương thực quốc gia tập trung vào chính sách đất đai, tài chính, bảo hiểm, tín dụng nhằm thúc đẩy sản xuất nông nghiệp theo hướng bền vững. Pháp luật về đất đai và các pháp luật có liên quan đã tạo hành lang pháp lý tương đối thuận lợi cho quá trình tập trung đất đai, đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa quy mô lớn. Đặc biệt, chính sách pháp luật đất đai[[7]](#footnote-7) quy định về “tập trung, tích tụ đất nông nghiệp” được kỳ vọng sẽ góp phần thúc đẩy lĩnh vực nông nghiệp phát triển nhanh, bền vững và hiệu quả hơn, thúc đẩy sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, từng bước khắc phục tình trạng sản xuất nhỏ lẻ, manh mún trong lĩnh vực nông nghiệp.

Việc tiếp tục miễn thuế SDĐNN trong thời gian tới sẽ là một trong các chính sách tài chính hữu hiệu của Nhà nước trong việc khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư vào sản xuất nông nghiệp, đẩy mạnh tích tụ, tập trung đất đai để đổi mới các hình thức tổ chức sản xuất nông nghiệp, phát triển nông nghiệp theo hướng hiện đại hóa, chuyên canh hóa tập trung, quy mô lớn, từ đó cụ thể hóa các mục tiêu phát triển nông nghiệp, nông dân và nông thôn nước ta những năm tới.

**4. Tiếp tục góp phần nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp trên thị trường trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế**

Xác định nông nghiệp là lợi thế quốc gia, mục tiêu đến năm 2045 của Việt Nam[[8]](#footnote-8) là nông nghiệp phát triển nhanh, bền vững, hiệu quả, bảo đảm vững chắc an ninh lượng thực quốc gia, quy mô sản xuất hàng hóa nông sản ngày càng lớn, có giá trị gia tăng, gắn kết chặt chẽ với thị trường trong và ngoài nước, xuất khẩu nhiều loại nông sản đứng hàng đầu thế giới.

Hiện nay, hội nhập kinh tế quốc tế đã giúp ngành nông nghiệp Việt Nam tham gia thành công vào chuỗi giá trị toàn cầu. Việt Nam trở thành mắt xích quan trọng trong chuỗi giá trị nông sản toàn cầu, nằm trong nhóm 15 quốc gia xuất khẩu nông sản lớn nhất thế giới và đứng thứ 2 trong khu vực Đông Nam Á[[9]](#footnote-9). Chính sách miễn, giảm thuế SDĐNN là một trong những chính sách hỗ trợ tài chính của Nhà nước cho lĩnh vực sản xuất nông nghiệp. Trong giai đoạn vừa qua, Quốc hội đã liên tiếp mở rộng diện miễn, giảm thuế SDĐNN nhằm đáp ứng mục tiêu, yêu cầu tái cơ cấu ngành nông nghiệp, góp phần tạo nguồn lực cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đầu tư nâng cao giá trị gia tăng của các ngành sản xuất nông nghiệp, góp phần đưa Việt Nam dẫn đầu trong xuất khẩu nhiều mặt hàng nông sản (gỗ, thủy sản, điều, tiêu...), khẳng định năng lực cạnh tranh của Việt Nam trong hoạt động sản xuất sản phẩm nông nghiệp trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.

Theo số liệu tổng hợp từ Tổng cục Thống kê, Bộ Công thương, Bộ Tài chính cho thấy: Giai đoạn 2001-2010, giai đoạn đầu thực hiện miễn, giảm thuế SDĐNN, kim ngạch xuất khẩu nông sản của Việt Nam từ 1 con số đã tăng lên 2 con số: Năm 2001, kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản chỉ đạt 4,7 tỷ USD; năm 2005, đã tăng lên 8,5 tỷ USD, gấp 2,1 lần năm 2001; năm 2007 đạt 10,9 tỷ USD và đến năm 2010 đạt 19,15 tỷ USD (tăng gần 5 lần so với năm 2001).

Giai đoạn 2011-2018 (giai đoạn tiếp tục mở rộng đối tượng được miễn, giảm thuế SDĐNN và tiến tới miễn thuế SDĐNN), kim ngạch xuất khẩu tăng trưởng vượt bậc, góp phần quan trọng vào thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, đưa Việt Nam lọt vào top 15 nước xuất khẩu nông sản lớn nhất trên thế giới. Năm 2011, kim ngạch xuất khẩu nông sản đạt 25 tỷ USD. Đến năm 2018, kim ngạch xuất khẩu nông sản đã đạt khoảng 40,5 tỷ USD (tăng 10 lần so với năm 2001). Trong giai đoạn khó khăn do ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam năm 2019, 2020 vẫn đạt con số ấn tượng 41,2 tỷ USD.

Giai đoạn 2021-2023 (giai đoạn kéo dài thời hạn miễn thuế SDĐNN theo Nghị quyết số 107/2020/QH14): Kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản tăng từ 48,70 tỷ USD (năm 2021) đến 53,22 tỷ USD (năm 2022, 2023).

Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam chuyển sang giai đoạn mới gắn kết chặt chẽ với nền kinh tế khu vực và toàn cầu. Trong những năm qua, Việt Nam đã và đang thực hiện nhiều Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) và Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Liên minh châu Âu (EVFTA) với phạm vi và cam kết sâu rộng. Các Hiệp định thương mại tự do là cơ hội lớn đẩy mạnh xuất khẩu của Việt Nam trong lĩnh vực nông sản, tạo động lực cho tăng trưởng kinh tế, tăng cường cơ hội thu hút dòng vốn FDI, nâng cao giá trị gia tăng của các ngành sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên, hàng nông sản của các nước đối tác cũng được hưởng những thuận lợi tương tự khi vào thị trường Việt Nam, do đó sức ép cạnh tranh ngay tại thị trường trong nước cũng rất lớn đối với hàng nông sản của Việt Nam. Ngoài ra, trong những năm gần đây, với xu hướng bảo hộ mậu dịch[[10]](#footnote-10) của các nước trên thế giới và những thách thức nội tại của ngành nông nghiệp (như biến đổi khí hậu, liên kết giá trị nông sản, biến động giá thị trường...) đã khiến cạnh tranh xuất khẩu nông sản trở nên khốc liệt hơn. Điều này đòi hỏi nông nghiệp Việt Nam phải được phát triển toàn diện, theo hướng bền vững, sản xuất hàng hóa quy mô lớn có năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh.

Vì vậy, để đẩy nhanh quá trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp, tăng cường cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, phấn đấu đến năm 2030 đưa nông nghiệp Việt Nam đứng trong số 15 nước phát triển nhất thế giới thì việc tiếp tục miễn thuế SDĐNN là một giải pháp khuyến nông cần thiết để nâng cao giá trị gia tăng và kết nối chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp, hướng tới phát triển nông nghiệp bền vững.

**5. Tiếp tục hỗ trợ tạo công ăn việc làm cho khu vực nông thôn, nâng cao thu nhập của người nông dân, góp phần giảm nghèo bền vững và xây dựng nông thôn mới**

Nông dân là chủ thể, là trung tâm của quá trình phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới. Mục tiêu cao nhất trong phát triển nông nghiệp, nông thôn là nâng cao toàn diện đời sống vật chất, tinh thần của người nông dân và cư dân nông thôn[[11]](#footnote-11).

Giải quyết việc làm cho nông dân là nhiệm vụ ưu tiên xuyên suốt trong mọi chương trình phát triển KT-XH của cả nước. Đặc biệt, trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, vấn đề lao động có vai trò quan trọng, mang tính cấp thiết, lâu dài đối với sự phát triển bền vững nền kinh tế. Một trong những mục tiêu quan trọng của chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới là giải quyết việc làm và chuyển dịch nhanh cơ cấu lao động nông thôn. Mặc dù trong những năm qua, xu hướng đô thị hóa đang gia tăng, nhưng khoảng hơn 60% lực lượng lao động nước ta tập trung ở nông thôn[[12]](#footnote-12), năng suất lao động nông nghiệp thấp, tỷ suất lợi nhuận trong lĩnh vực nông nghiệp không cao nên sản phẩm thặng dư do ngành nông nghiệp tạo ra là ít.

Xét về mặt kinh tế thì việc tiếp tục miễn thuế SDĐNN là biện pháp khuyến nông thông qua thuế, tạo cơ sở cho tập trung đất nông nghiệp để phát triển nông nghiệp hiện đại theo hướng ứng dụng khoa học kỹ thuật, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và tỷ trọng lao động nông nghiệp ở nông thôn. Hiệu ứng về mặt xã hội của chính sách miễn thuế SDĐNN là thông qua chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, phát triển hình thức kinh tế trang trại và ứng dụng khoa học công nghệ đã tạo ra nhiều việc làm hơn trong khu vực nông thôn, giảm áp lực lao động đi làm tại các địa phương khác hoặc xuất khẩu lao động, từ đó giúp tăng thu nhập cho lực lượng lao động nông thôn, góp phần xây dựng nông thôn mới.

Theo đó, bên cạnh các chính sách nâng cao năng lực, đào tạo lao động ngành nông nghiệp của Nhà nước để tăng năng suất lao động, tạo nguồn lực phát triển nông nghiệp thì việc tiếp tục miễn thuế SDĐNN là một trong các giải pháp phù hợp nhằm tạo thêm việc làm trong lĩnh vực nông nghiệp tại khu vực nông thôn, góp phần xóa đói giảm nghèo.

**6. Đảm bảo phù hợp với các cam kết quốc tế của Việt Nam và thông lệ quốc tế**

Thông lệ quốc tế cho thấy, phần lớn các nước có quy định về thuế SDĐNN. Một số quốc gia *(Albani, Armenia, Ai Cập)* có sắc thuế riêng đánh vào đất nông nghiệp, trong khi một số quốc gia đưa đất nông nghiệp vào đối tượng đánh thuế BĐS *(như: Canada, Argentina; Chi lê, Mê-xi-cô, Ấn Độ)*. Một số ít nước ban hành Luật thuế riêng về SDĐNN tương tự Việt Nam *(như: Albania, Bulgari, Georgia, Ba lan, Trung Quốc...).*

Mặc dù việc SDĐNN bị đánh thuế là phổ biến, tuy nhiên, các quốc gia đều có hình thức hỗ trợ lĩnh vực nông nghiệp nói chung, người nông dân nói riêng. Tùy vào mục tiêu khác nhau như mục tiêu chính trị, mục tiêu khuyến khích đầu tư sản xuất nông nghiệp hoặc mục tiêu giảm chi phí quản lý thuế mà các nước có các chính sách ưu đãi thuế đối với việc SDĐNN khác nhau như: áp dụng mức thuế suất đối với đất nông nghiệp thấp hơn mức thuế suất đối với đất ở, đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp *(Nga, Canada, Thái Lan, Hàn Quốc...)*; quy định miễn thuế SDĐNN *(như Cộng hòa Ai-len, Anh)*. Ngay cả ở những quốc gia mà đất nông nghiệp thuộc đối tượng chịu thuế BĐS thường có hình thức miễn, giảm nào đó cho đất nông nghiệp hoặc công trình trên đất nông nghiệp[[13]](#footnote-13). Một số quốc gia OECD không đưa BĐS nông nghiệp vào cơ sở tính thuế BĐS[[14]](#footnote-14). Ở Canada và Hoa Kỳ, đất nông nghiệp không được miễn thuế, tuy nhiên, BĐS nông nghiệp thường nhận được hình thức ưu đãi khác[[15]](#footnote-15). Bên cạnh các chính sách hỗ trợ, khuyến khích dành cho lĩnh vực nông nghiệp[[16]](#footnote-16), trợ cấp nông nghiệp[[17]](#footnote-17) thì miễn thuế SDĐNN được các nước sử dụng như một kênh hỗ trợ người nông dân và khuyến khích đầu tư vào lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, hướng tới phát triển nông nghiệp bền vững, đảm bảo an ninh lương thực.

Việc miễn thuế SDĐNN không trái với các quy định về trợ cấp tại các Hiệp định thương mại mà Việt Nam đã đàm phán, ký kết[[18]](#footnote-18), trong đó có Hiệp định EVFTA và CPTTP.

 Như vậy, việc tiếp tục miễn thuế SDĐNN là phù hợp với thông lệ quốc tế trong việc sử dụng chính sách thuế như công cụ tài chính để góp phần khuyến khích phát triển nền sản xuất nông nghiệp.

Từ những phân tích nêu trên, để tiếp tục thực hiện kết quả đạt được của việc miễn thuế SDĐNN, phù hợp với định hướng của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; tiếp tục khuyến khích tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; khuyến khích kinh tế trang trại; góp phần chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp, nông thôn theo hướng công nghiệp hóa -hiện đại hóa; góp phần nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp trên thị trường trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế; tiếp tục hỗ trợ, tạo công ăn việc làm cho khu vực nông thôn, nâng cao thu nhập và đời sống người nông dân, góp phần xây dựng nông thôn mới và vẫn đảm bảo phù hợp với thông lệ quốc tế thì cần thiết tiếp tục miễn thuế SDĐNN cho giai đoạn tiếp theo. Theo đó, Bộ Tài chính đề xuất bổ sung dự án Nghị quyết về miễn thuế SDĐNN vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2025 nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV.

**II. MỤC TIÊU, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT**

**1.** **Mục tiêu**

- Thể chế hoá chủ trương, quan điểm của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

- Khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư vào nông nghiệp, nông dân, nông thôn, góp phần thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp, nâng cao hơn nữa giá trị sản phẩm nông nghiệp, từ đó nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

- Tiếp tục phát huy kết quả đạt được của chính sách miễn thuế SDĐNN.

- Đảm bảo phù hợp thông lệ quốc tế.

**2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết**

Pháp luật về đất đai quy định nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất là một biện pháp được sử dụng phổ biến nhằm duy trì được sinh kế lâu dài; khuyến khích việc cải tạo, bảo vệ đất, khai thác, sử dụng đất đai bền vững và hiệu quả, đồng thời tạo nguồn thu cho NSNN, là công cụ để Nhà nước quản lý đất đai, điều tiết thị trường quyền sử dụng đất, thị trường BĐS.

Theo đó, quan điểm chỉ đạo xây dựng Nghị quyết theo các nguyên tắc sau:

a) Việc xây dựng dự án Nghị quyết phù hợp với Hiến pháp năm 2013; thực hiện đúng các chủ trương của Đảng, Nhà nước đã nêu tại Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất, tạo động lực đưa nước ta trở thành nước phát triển có thu nhập cao; Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Kết luận số 54-KL/TW ngày 07/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 của Ban Chấp hành trung ương về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; Luật Đất đai số 31/2024/QH15; Kết luận số 81-KL/TW của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh lương thực quốc gia đến năm 2030; Quyết định số 124/QĐ-TTg ngày 02/02/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển sản xuất ngành nông nghiệp đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030; Quyết định số 537/QĐ-TTg ngày 10/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai Kết luận số 54-KL/TW ngày 07/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

b) Kế thừa và phát huy những quy định đã được thực hiện ổn định, mang lại tác động tích cực đến KT-XH.

c) Đảm bảo tiếp thu những kinh nghiệm quốc tế có giá trị phù hợp với thực tiễn Việt Nam.

**III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT**

Căn cứ Kế hoạch số 81/KH-UBTVQH15 ngày 05/11/2021 của UBTVQH triển khai thực hiện Kết luận số 19-KL/TW của Bộ Chính trị và Đề án định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV, Chính phủ đã có Báo cáo số 71/BC-CP ngày 16/3/2023 gửi UBTVQH về Kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch số 81/KH-UBTVQH15.

Tại Báo cáo số 71/BC-CP, Chính phủ đã báo cáo kết quả rà soát, nghiên cứu đối với Luật thuế SDĐPNN và Luật thuế SDĐNN và dự kiến đề xuất xây dựng dự án Luật thuế BĐS, đề nghị bổ sung vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024, trình Quốc hội cho ý kiến tại kỳ họp thứ 8 (tháng 10/2024) và thông qua tại kỳ họp thứ 9 (tháng 5/2025).

Thực hiện Báo cáo số 71/BC-CP, Bộ Tài chính đã nghiên cứu lập hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Luật thuế BĐS, thay cho Luật thuế SDĐPNN, Luật thuế SDĐNN để kịp trình Chính phủ, trình UBTVQH. Tuy nhiên, căn cứ tình hình bối cảnh KT-XH giai đoạn 2021-2023; nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển KT-XH năm 2024, năm 2025 và dự báo những năm tới, Bộ Tài chính đã có Tờ trình Chính phủ về đề nghị xây dựng dự án Luật thuế BĐS vào thời điểm thích hợp và được đồng ý; đồng thời Lãnh đạo Chính phủ đã giao Bộ Tài chính nghiên cứu, báo cáo Chính phủ về việc tiếp tục miễn thuế SDĐNN cho giai đoạn 2026-2030 theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Ngoài ra, Bộ Tài chính cũng đã phối hợp với Bộ Tư pháp cập nhật, điều chỉnh tiến độ dự kiến xây dựng dự án Luật thuế BĐS vào Báo cáo của Chính phủ về kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch số 81/KH-UBTVQH15 ngày 05/11/2021 của UBTVQH.

**IV. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA NGHỊ QUYẾT**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết quy định việc: (i) kéo dài thời gian miễn thuế SDĐNN theo quy định tại Nghị quyết số 55/2010/QH12, Nghị quyết số 28/2016/QH14 và Nghị quyết số 107/2020/QH14; (ii) hiệu lực thi hành của chính sách.

**2. Đối tượng áp dụng**

Đối tượng áp dụng của chính sách là:

- Người nộp thuế là tổ chức, cá nhân, hộ gia đình SDĐNN;

- Cơ quan quản lý, cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

**V. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CHÍNH CỦA CHÍNH SÁCH, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TRONG ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT**

- Đề cương dự thảo Nghị quyết được xây dựng tập trung giải quyết 2 nhóm vấn đề, gồm: (i) Quy định về miễn thuế SDĐNN, (ii) Thời hạn miễn thuế SDĐNN.

- Các mục tiêu, nội dung của chính sách và giải pháp thực hiện chính sách trong dự án Nghị quyết như sau:

**1. Chính sách 1: Nghiên cứu quy định về miễn thuế SDĐNN**

**1.1. Mục tiêu của chính sách**

- Phù hợp với quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

- Tiếp tục thực hiện các kết quả đạt được của việc miễn thuế SDĐNN thời gian qua.

- Phù hợp với thông lệ quốc tế và tương thích với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

**1.2. Nội dung của chính sách**

Quy định về miễn thuế SDĐNN đảm bảo phù hợp với chủ trương của Đảng và Nhà nước và phù hợp với tình hình phát triển KT-XH.

**1.3. Giải pháp thực hiện chính sách và lý do lựa chọn giải pháp**

***- Giải pháp 1:*** Quy định tiếp tục thực hiện chính sách miễn thuế SDĐNN.

***Lý do lựa chọn giải pháp:***

Chính sách thuế SDĐNN đã thực hiện được hơn 30 năm và hiện đang miễn thuế đến hết ngày 31/12/2025 theo Nghị quyết số 55/2010/QH12, Nghị quyết số 28/2016/QH14 và Nghị quyết số 107/2020/QH14 của Quốc hội, trừ diện tích đất nông nghiệp mà Nhà nước giao cho tổ chức quản lý nhưng không trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp mà giao cho tổ chức, cá nhân khác nhận thầu theo hợp đồng để sản xuất nông nghiệp.

 Đánh giá chính sách thuế SDĐNN qua hơn 30 năm thực hiện cho thấy đến nay có những quy định không còn phù hợp với điều kiện KT-XH hiện nay như cách xác định thuế lạc hậu, giá trị thu được thấp (thuế được tính bằng thóc, thu bằng tiền) và phần lớn các nội dung hiện không còn được áp dụng trên thực tế do thi hành chính sách miễn thuế SDĐNN cho toàn bộ diện tích đến hết ngày 31/12/2025. Chính sách thuế SDĐNN mặc dù được ban hành từ năm 1993 nhưng thực tế, từ năm 2001 đến nay, chính sách thuế SDĐNN chỉ thay đổi về quy định ưu đãi thuế (miễn, giảm) nhằm thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước trong việc khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

Nguồn thu từ thuế SDĐNN rất nhỏ, chỉ mang tính chất bù đắp một phần nhỏ để hỗ trợ chính quyền thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với đất nông nghiệp (số thu chỉ chiếm khoảng 0,00052% tổng thu NSNN giai đoạn 2020-2023). Việc miễn thuế SDĐNN trong thời gian qua mặc dù làm giảm thu NSNN (tổng số thuế miễn, giảm giai đoạn 2003-2010 trung bình khoảng 3.268,5 tỷ đồng/năm; giai đoạn từ 2011-2016 trung bình khoảng 6.308,3 tỷ đồng/năm; giai đoạn 2017-2018 và đến hết năm 2020 khoảng 7.438,5 tỷ đồng/năm); giai đoạn 2021-2023 trung bình khoảng 7.500 tỷ đồng/năm nhưng đây là giải pháp góp phần thực hiện chủ trương, quan điểm của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp nông thôn theo hướng hiện đại hóa, giảm bớt khó khăn cho người nông dân, khuyến khích đầu tư, thúc đẩy kinh tế nông nghiệp phát triển bền vững; và phù hợp với bối cảnh hội nhập quốc tế. Đồng thời, việc quy định miễn thuế SDĐNN không gây xung đột, vướng mắc trong quan hệ thương mại với các nước, không vi phạm các cam kết quốc tế của Việt Nam khi gia nhập WTO. Việc miễn thuế SDĐNN thời gian qua chưa gặp vướng mắc phát sinh. Các địa phương đều cho rằng việc tiếp tục miễn thuế SDĐNN như quy định hiện hành cho giai đoạn tiếp theo là cần thiết.

Do đó, để tiếp tục thực hiện kết quả đạt được của việc miễn thuế SDĐNN, phù hợp với định hướng của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân và nông thôn; tiếp tục khuyến khích tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; khuyến khích kinh tế trang trại; góp phần chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp, nông thôn theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa; góp phần nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp trên thị trường trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế; tiếp tục hỗ trợ tạo công ăn việc làm cho khu vực nông thôn, nâng cao thu nhập và đời sống người nông dân, góp phần xây dựng nông thôn mới và vẫn đảm bảo phù hợp với thông lệ quốc tế, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật[[19]](#footnote-19), đề nghị nghiên cứu quy định về miễn thuế SDĐNN theo hướng: kéo dài thời gian thực hiện miễn thuế SDĐNN theo quy định tại Nghị quyết số 55/2010/QH12, Nghị quyết số 28/2016/QH14 và Nghị quyết số 107/2020/QH15.

Với đề xuất kéo dài thời gian miễn thuế SDĐNN như quy định hiện hành sẽ tiếp tục là hình thức hỗ trợ trực tiếp tới người nông dân, là nguồn đầu tư tài chính trực tiếp cho khu vực nông nghiệp, nông dân, nông thôn để đầu tư, mở rộng quy mô sản xuất nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, qua đó giúp tạo công ăn việc làm cho người nông dân, cải thiện cuộc sống, gắn bó với hoạt động sản xuất nông nghiệp.

***- Giải pháp 2:*** Không quy định tiếp tục thực hiện chính sách miễn thuế SDĐNN (việc miễn, giảm thuế SDĐNN thực hiện theo quy định tại Luật thuế SDĐNN).

***Lý do lựa chọn giải pháp:***

Việc tiếp tục ban hành Nghị quyết của Quốc hội để thực hiện chính sách miễn, giảm thuế là chưa thực sự phù hợp, vì đây là Nghị quyết quy định ngoài phạm vi của Luật thuế SDĐNN, đã được thực hiện trong giai đoạn 2011-2020 và kéo dài đến năm 2025. Để cân nhắc tiếp tục thực hiện chính sách cần nghiên cứu, trình Quốc hội xem xét sửa đổi, bổ sung Luật thuế SDĐNN. Để tăng cường quản lý việc SDĐNN, mở rộng cơ sở thuế, có thể nghiên cứu tiếp tục cải cách chính sách thuế SDĐNN theo hướng định giá giá trị tính thuế phù hợp với giá trị thị trường, rà soát và hạn chế các trường hợp miễn, giảm thuế để tăng cường hiệu quả nguồn thu của chính sách, điều chỉnh mức thuế suất thuế SDĐNN phù hợp với điều kiện KT-XH hiện nay.

Theo thông lệ quốc tế, hầu hết các quốc gia đều có xu hướng áp dụng chính sách ưu đãi thuế đối với đất sử dụng cho mục đích sản xuất nông nghiệp dưới nhiều hình thức, trong đó rất ít quốc gia áp dụng miễn, giảm thuế SDĐNN trên quy mô rộng như Việt Nam[[20]](#footnote-20). Tuy nhiên, qua đánh giá, việc đánh thuế đối với đất nông nghiệp trong thời gian tới là rất khó khăn, chưa phù hợp với chủ trương, quan điểm của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông thôn và không phù hợp với thông lệ quốc tế[[21]](#footnote-21). Cụ thể:

- Luật thuế SDĐNN có hiệu lực thi hành hơn 30 năm, đến nay đã có những quy định không còn phù hợp với tình hình phát triển KT-XH Việt Nam, như cách xác định thuế lạc hậu, giá trị thu được thấp (thuế SDĐNN được tính bằng thóc, thu bằng tiền, trong một vài trường hợp đặc biệt, thuế có thể thu bằng thóc), và phần lớn nội dung hiện đã không còn được áp dụng trên thực tế do thi hành chính sách miễn thuế SDĐNN cho toàn bộ diện tích đất nông nghiệp đến hết ngày 31/12/2025, trừ diện tích đất nông nghiệp mà Nhà nước giao cho tổ chức quản lý nhưng không trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp mà giao cho tổ chức, cá nhân khác nhận thầu theo hợp đồng để sản xuất nông nghiệp.

Bên cạnh đó, do thực hiện chính sách ưu đãi thuế SDĐNN nên số thu NSNN từ thuế SDĐNN chỉ chiếm một phần nhỏ, không đáng kể trong tổng thu NSNN. Số thu thuế SDĐNN chỉ còn 10 tỷ đồng (năm 2023), chiếm trung bình khoảng 0,00052% tổng thu NSNN. Trong khi đó, thuế SDĐNN là nguồn thu địa phương được hưởng 100% nhưng chỉ mang tính chất bù đắp một phần nhỏ để hỗ trợ chính quyền thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với đất nông nghiệp. Thực tế, mặc dù thuế SDĐNN được miễn nhưng để thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với đất nông nghiệp, các địa phương vẫn phải theo dõi chi tiết đến từng thửa ruộng, hạng đất và việc lập sổ theo dõi hàng năm tốn nhiều thời gian, công sức, chi phí lớn.

Đồng thời, chính sách ưu đãi thuế SDĐNN đã được triển khai thực hiện bắt đầu từ năm 2001 và sẽ hết hiệu lực vào ngày 31/12/2025. Do đó, cần có đánh giá cụ thể và cần thiết Luật hóa các quy định miễn thuế để tạo sự minh bạch, đồng bộ và nâng cao cơ sở pháp lý trong quá trình triển khai thực hiện.

- Việc tiếp tục đánh thuế đối với đất nông nghiệp sẽ gây ảnh hưởng, tác động trực tiếp tới người dân, đặc biệt là người dân sống ở nông thôn với sinh kế chủ yếu dựa vào sản xuất nông nghiệp.

Để đảm bảo mục tiêu phù hợp với quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn và thông lệ quốc tế, Bộ Tài chính đề nghị thực hiện theo Giải pháp 1.

**2. Chính sách 2: Nghiên cứu quy định về thời hạn miễn thuế**

**2.1. Mục tiêu của chính sách**

- Phù hợp với quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

- Phù hợp với điều kiện, tình hình phát triển KT-XH từng thời kỳ.

**2.2. Nội dung của chính sách**

- Quy định cụ thể về thời hạn miễn thuế SDĐNN.

**2.3. Giải pháp thực hiện chính sách và lý do lựa chọn giải pháp**

***- Giải pháp 1:*** Quy định thời gian miễn thuế SDĐNN là 5 năm (tiếp tục miễn thuế SDĐNN từ 01/01/2026 đến hết ngày 31/12/2030).

***Lý do lựa chọn giải pháp:***

Việt Nam đang trong quá trình thực hiện kế hoạch phát triển KT-XH 5 năm 2021-2025 trong bối cảnh tình hình thế giới diễn biến phức tạp, có nhiều thời cơ, thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen nhau. Do tác động nặng nề của dịch bệnh và biến động địa chính trị toàn cầu, tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong nửa đầu của kế hoạch 5 năm 2021-2025 đã chậm lại đáng kể. Theo báo cáo kinh tế giữa kỳ 2021-2025 của Quốc hội[[22]](#footnote-22), việc đảm bảo phấn đấu đạt chỉ tiêu GDP bình quân 5 năm khoảng 6,5-7% là rất khó khăn.

Nền kinh tế Việt Nam đang trong giai đoạn phục hồi và được đánh giá có triển vọng sáng cho năm 2024, năm 2025[[23]](#footnote-23). Các kỳ vọng này được nhận định lạc quan dựa trên việc Chính phủ Việt Nam sẽ tiếp tục thực hiện các chính sách hỗ trợ tăng trưởng và ổn định kinh tế vĩ mô. Bối cảnh phát triển KT-XH giai đoạn 2026-2030 dự kiến đan xen cả những thuận lợi và khó khăn xuất phát từ nội tại nền kinh tế. Bên cạnh những kỳ vọng, dự báo thời gian tới, các rủi ro tiềm ẩn từ môi trường kinh tế thế giới vẫn còn hiện hữu và tiếp tục tác động tiêu cực lên triển vọng phục hồi tăng trưởng kinh tế của Việt Nam giai đoạn 2026-2030.

Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam hiện nay chuyển sang giai đoạn mới, gắn kết chặt chẽ với nền kinh tế khu vực và toàn cầu. Việc tham gia ký kết và thực hiện các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, đặc biệt là hiệp định CPTTP và EVFTA đã và đang tác động sâu, rộng tới nền kinh tế Việt Nam. Trong đó, giai đoạn 2026-2030 giữ vai trò là giai đoạn cuối của Chiến lược phát triển KT-XH 10 năm 2021-2030. Tăng trưởng và phát triển kinh tế của giai đoạn này có ý nghĩa quan trọng, tạo nền tảng cho phát triển kinh tế của cả giai đoạn 2021-2030 trong bối cảnh Việt Nam đang nỗ lực chuyển đổi mô hình tăng trưởng và thoát bẫy thu nhập trung bình[[24]](#footnote-24).

Trước những diễn biến đa chiều của kinh tế thế giới, với tốc độ tăng trưởng như thời gian qua, hướng tới triển vọng tăng trưởng bền vững trong dài hạn, việc tiếp tục thực hiện chính sách miễn thuế SDĐNN trong giai đoạn 2026-2030 là cần thiết nhằm hỗ trợ phát triển nông nghiệp bền vững, tạo đà cho tăng trưởng kinh tế hậu khủng hoảng, góp phần động viên người nông dân yên tâm đầu tư sản xuất, tạo điều kiện tăng năng suất lao động, cải thiện đời sống, đồng thời cũng đảm bảo phù hợp với quan điểm về nông nghiệp, nông thôn theo chiến lược phát triển KT-XH 10 năm[[25]](#footnote-25).

***- Giải pháp 2:*** Quy định thời gian miễn thuế SDĐNN là 10 năm (tiếp tục miễn thuế SDĐNN từ 01/01/2026 đến hết ngày 31/12/2035).

***Lý do lựa chọn giải pháp:***

Việc đề xuất miễn thuế trong vòng 10 năm do:

Theo đánh giá của Tổng cục Thống kê[[26]](#footnote-26), trước ảnh hưởng của tình hình KT-XH nhiều khó khăn, đời sống của một bộ phận người dân còn khó khăn, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo. Phần lớn hộ nghèo, hộ cận nghèo thiếu sinh kế, việc làm, thu nhập thấp, không ổn định, bất bình đẳng trong xã hội vẫn tồn tại giữa các khu vực thành thị, nông thôn, các vùng và giữa các nhóm người thu nhập thấp và nhóm người thu nhập cao. Trước những diễn biến đa chiều của kinh tế thế giới, mặc dù tốc độ tăng trưởng GDP ngành nông nghiệp trong những năm qua bình quân khoảng 3%/năm nhưng thu nhập bình quân của người nông dân nông thôn vẫn chưa có nhiều cải thiện so với mặt bằng chung của xã hội.

Do đó, thời hạn miễn thuế 10 năm có ý nghĩa về mặt chính trị, góp phần động viên người nông dân yên tâm sản xuất, hỗ trợ người nông dân đầu tư mở rộng sản xuất, tăng cường năng lực ứng phó với những cú sốc thị trường và quản trị rủi ro về thiên tai, dịch bệnh, thể hiện chủ trương nhất quán của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn cũng như chu kỳ sản xuất nông nghiệp, đặc biệt với cây lâu năm. Ngoài ra, miễn thuế trong giai đoạn 10 năm cũng tương ứng và phù hợp với các điều kiện cam kết về hợp tác, liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, góp phần hỗ trợ cho người nông dân trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Tuy nhiên, thời hạn miễn thuế 10 năm là khoảng thời gian tương đối dài trong bối cảnh tình hình kinh tế thế giới biến động khó lường và chiến lược phát triển KT-XH của Việt Nam giai đoạn sau năm 2030 chưa được định hướng cụ thể.

Để đảm bảo mục tiêu phù hợp với quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn và tình hình KT-XH thực tiễn, Bộ Tài chính đề nghị thực hiện theo Giải pháp 1.

**VI. TÍNH TƯƠNG THÍCH, SỰ PHÙ HỢP CỦA NỘI DUNG CHÍNH SÁCH ĐƯỢC ĐỀ XUẤT VỚI CÁC CAM KẾT QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM**

Qua rà soát về các Điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên, Bộ Tài chính thấy rằng các nội dung chính sách được đề xuất tại Đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết đều đảm bảo phù hợp với các cam kết quốc tế của Việt Nam và không trái với các cam kết tại các Điều ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia và là thành viên.

Theo Bộ Ngoại giao, biện pháp miễn thuế SDĐNN thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định nông nghiệp của WTO, tuy nhiên, biện pháp này được đánh giá đáp ứng các tiêu chí và điều kiện quy định của ”hộp xanh lá cây”. Đối với Hiệp định CPTPP (có hiệu lực từ ngày 14/1/2019) và EVFTA (có hiệu lực vào ngày 01/8/2020) thì các cam kết của Việt Nam không đề cập tới việc miễn, giảm thuế SDĐNN.

**VII. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ QUYẾT SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA**

**1.** Dự kiến nguồn lực

Dự kiến nguồn lực để thi hành Nghị quyết như sau:

- Từ nguồn ngân sách trung ương và ngân sách địa phương.

- Từ các nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật.

**2.** Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Nghị quyết

Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Nghị quyết bao gồm các nội dung được xác định như sau:

- Ban hành văn bản quy định chi tiết và chỉ đạo, đôn đốc thi hành: Các cơ quan có thẩm quyền ban hành kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Nghị quyết phù hợp với quy định của Nghị quyết và quy định của pháp luật khác có liên quan.

- Tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết: Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ thực hiện phổ biến, giáo dục Nghị quyết và các quy định liên quan; Bộ Tài chính xây dựng nội dung thông tin, tuyên truyền phổ biến những yêu cầu, nội dung và các quy định của Nghị quyết kịp thời đến các cơ quan, tổ chức và người dân, giúp hiểu biết, nắm bắt pháp luật kịp thời để thực hiện.

- Bảo đảm nguồn lực thực hiện:

+ Bộ Tài chính có chỉ đạo, hướng dẫn cụ thể để Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

+ Được bố trí nguồn kinh phí để thực hiện các quy định trong Nghị quyết, ngoài nguồn kinh phí do NSNN cấp, huy động nguồn lực từ cơ quan, đơn vị và địa phương, hỗ trợ của các tổ chức xã hội, tổ chức quốc tế hoặc lồng ghép vào các chương trình, dự án khác để có nguồn kinh phí bảo đảm cho việc thực hiện Nghị quyết.

- Kiểm tra, thanh tra, giám sát tình hình thực hiện:

Thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát tình hình thi hành Nghị quyết và các văn bản pháp quy phạm pháp luật quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Nghị quyết.

**VIII. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI, QUỐC HỘI**

Bộ Tài chính trình Chính phủ dự kiến tiến độ của dự án Nghị quyết như sau:

(i) Chính phủ lập đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết, trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét thông qua đề nghị bổ sung dự án Nghị quyết vào Chương trình xây dựng Luật, pháp lệnh năm 2025 vào tháng 9/2024.

(ii) Chính phủ trình Quốc hội cho ý kiến và thông qua Nghị quyết tại kỳ họp thứ 9 Quốc hội khóa XV (tháng 5/2025).

Trên đây là nội dung đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế SDĐNN. Bộ Tài chính kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

*(Trình kèm: Đề cương dự thảo Nghị quyết; Báo cáo tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện chính sách thuế liên quan đến BĐS; Báo cáo đánh giá tác động chính sách).*

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như trên;- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo); - Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái (để báo cáo);- Bộ trưởng (để báo cáo);- Văn phòng Chính phủ;- Bộ Tư pháp;- Lưu: VT, CST ( b). | **KT. BỘ TRƯỞNG****THỨ TRƯỞNG** **Cao Anh Tuấn** |

1. Nghị quyết số 26-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; Nghị quyết số 19-NQ/TW về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045; Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; Nghị quyết số 53/NQ-CP ngày 17/7/2019 của Chính phủ về giải pháp khuyến khích, thúc đẩy doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp hiệu quả, an toàn và bền vững… [↑](#footnote-ref-1)
2. Kinh tế tập thể với nhiều hình thức tổ chức kinh tế hợp tác đa dạng, phát triển từ thấp đến cao: tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã... trong đó hợp tác xã là nòng cốt. [↑](#footnote-ref-2)
3. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t. II, tr. 62 [↑](#footnote-ref-3)
4. Theo báo cáo của Liên minh hợp tác xã Việt Nam, tính đến năm 2023, cả nước có 20.500 hợp tác xã nông nghiệp, chiếm 66,7% tổng số hợp tác xã hoạt động với hai mô hình chủ yếu là hợp tác xã kinh doanh tổng hợp và hợp tác xã chuyên ngành. [↑](#footnote-ref-4)
5. Kết luận số 81-KL/TW ngày 29/7/2020 của Bộ Chính trị về bảm đảm an ninh lương thực quốc gia đến năm 2030. [↑](#footnote-ref-5)
6. Nhà nước có chính sách đất đai để tạo điều kiện cho quá trình tập trung ruộng đất nhằm hình thành các mô hình trang trại có quy mô lớn (Mỹ, Hà Lan); Nhà nước có chính sách hỗ trợ về tín dụng, tài chính đối với các mô hình sử dụng đất tập trung, quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp (Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản). [↑](#footnote-ref-6)
7. Luật Đất đai số 31/2024/QH15 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2025) đã hoàn thiện cơ chế, chính sách về quản lý, SDĐNN theo hướng mở rộng hạn mức nhận chuyển quyền SDĐNN lên không quá 15 lần hạn mức giao đất tại địa phương. Mở rộng đối tượng được nhận chuyển nhượng đất nông nghiệp cho tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân không trực tiếp sản xuất nông nghiệp. Bổ sung quy định về các hình thức tập trung, tích tụ đất đai cho sản xuất nông nghiệp, cơ chế góp quyền sử dụng đất, điều chỉnh lại quyền sử dụng đất đối với các dự án tập trung đất nông nghiệp.  [↑](#footnote-ref-7)
8. Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. [↑](#footnote-ref-8)
9. Nghị quyết số 53/NQ-CP ngày 17/7/2019 về giải pháp khuyến khích, thúc đẩy doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp hiệu quả, an toàn và bền vững. [↑](#footnote-ref-9)
10. Bảo hộ mậu dịch là một thuật ngữ kinh tế học, chỉ việc áp dụng các biện pháp để bảo vệ ngành sản xuất hàng hóa (hay dịch vụ) của quốc gia bằng cách nâng cao tiêu chuẩn như chất lượng, vệ sinh, môi trường, xuất xứ… hoặc áp đặt thuế nhập khẩu cao đối với một số mặt hàng; được sử dụng trong quan hệ thương mại giữa các nước. Các biện pháp này hiện được các nước gia tăng sử dụng như giải pháp ứng phó với tác động suy thoái sau dịch Covid-19 và các rủi ro tiềm tàng từ các yếu tố biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh. [↑](#footnote-ref-10)
11. Nghị quyết số 19-NQ-TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. [↑](#footnote-ref-11)
12. Theo số liệu của Tổng cục thống kê năm 2023, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên năm 2023 đạt 52,4 triệu người,trong đó, lực lượng lao động ở khu vực thành thị là 19,5 triệu người, chiếm 37,3%, khu vực nông thôn là 32,9 triệu người, chiếm 62,7%. [↑](#footnote-ref-12)
13. Ví dụ như Kosovo quy định mức thuế suất thấp hơn cho BĐS sử dụng cho nông và lâm nghiệp. Nhật Bản áp dụng hệ số tính thuế 45% giá trị thị trường cho đất nông nghiệp. [↑](#footnote-ref-13)
14. Phần Lan, Đức, Hungary, Ai-len, Hà Lan, Na Uy, Ba Lan, Slovenia, Thụy Điển, Anh. [↑](#footnote-ref-14)
15. Ví dụ như tại Canada, một trong những phương thức mà chính quyền bang hỗ trợ cho nông dân là thông qua “Chương trình thuế trang trại”, nếu chủ sở hữu trang trại đáp ứng điều kiện của chương trình thì phần đất trang trại chỉ chịu thuế không quá 25% mức thuế suất mà chính quyền nơi đó quy định. [↑](#footnote-ref-15)
16. Như không đánh thuế thu nhập từ hoạt động sản xuất nông nghiệp (Ấn Độ); ưu đãi thuế VAT đối với các sản phẩm nông nghiệp (Mỹ, Hà Lan), miễn thuế chuyển nhượng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân (Úc). [↑](#footnote-ref-16)
17. Ví dụ như nông dân các nước khu vực Châu Âu đều được hưởng chương trình trợ cấp nông nghiệp (EU’s Common Agricultural Policy) vì họ sở hữu hoặc quản lý đất đai. [↑](#footnote-ref-17)
18. Theo Bộ Ngoại giao, biện pháp miễn thuế SDĐNN thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định nông nghiệp của WTO, tuy nhiên, biện pháp này được đánh giá đáp ứng các tiêu chí và điều kiện quy định của ”hộp xanh lá cây”. Đối với Hiệp định CPTPP (có hiệu lực từ ngày 14/1/2019) và EVFTA (có hiệu lực vào ngày 01/8/2020) thì các cam kết của Việt Nam không đề cập tới việc miễn, giảm thuế SDĐNN. [↑](#footnote-ref-18)
19. Quốc hội ban hành Nghị quyết để kéo dài thời gian áp dụng toàn bộ hoặc một phần Luật, Nghị quyết của Quốc hội, đáp ứng yêu cầu cấp bách về phát triển KT-XH, đảm bảo quyền con người, quyền công dân. [↑](#footnote-ref-19)
20. Ở một số quốc gia đang phát triển, do hạn chế về năng lực hoặc thiếu cơ chế quản lý phù hợp nên các BĐS khu vực nông thôn không bị đánh thuế. [↑](#footnote-ref-20)
21. Hầu hết các nước đều có xu hướng áp dụng chính sách ưu đãi thuế đối với đất sử dụng cho mục đích sản xuất nông nghiệp dưới các hình thức như áp dụng mức thuế suất thấp hơn, miễn một phần hoặc miễn toàn bộ số thuế phải nộp hoặc không đưa đất nông nghiệp vào diện chịu thuế BĐS. Một số quốc gia đưa đất nông nghiệp vào đối tượng miễn thuế (Bungari, Anh, Estonia, Armenia...), một số quốc gia không đánh thuế BĐS đối với đất nông nghiệp hoặc đưa vào đối tượng không chịu thuế như: Indonesia, Đài Loan, Thái Lan, hầu hết các quốc gia Châu Phi… [↑](#footnote-ref-21)
22. Báo cáo giữa nhiệm kỳ tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 16/2021/QH15 về Kế hoạch phát triển KT-XH 5 năm 2021-2025, Nghị quyết số 31/2021/QH15 về kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2021-2025. [↑](#footnote-ref-22)
23. Fitch Ratings dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam sẽ đạt 6,3% vào năm 2024 và 7,0% vào năm 2025. ADB dự báo tăng trưởng kinh tế năm 2024 của Việt Nam sẽ được duy trì ở mức 6%. Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) cũng dự báo Việt Nam đứng thứ 20 thế giới với mức tăng trưởng năm 2024, đạt 5,8%. [↑](#footnote-ref-23)
24. Theo dự báo của Trung tâm Thông tin và Dự báo KT-XH quốc gia (NCIF), Bộ Kế hoạch và Đầu tư thì tăng trưởng GDP Việt Nam có thể đạt khoảng 6,5%/năm trong giai đoạn 2021- 2025; thu nhập bình quân đầu người của Việt Nam đến năm 2025 đạt khoảng 4.700 USD – 5.000 USD, đưa Việt Nam ra nhập nhóm nước có thu nhập trung bình cao; Standard Chartered cũng dự báo thu nhập bình quân đầu người của Việt Nam dự kiến đạt 10.400 USD vào năm 2030. [↑](#footnote-ref-24)
25. Tại Kết luận số 54-KL/TW ngày 07/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn có nêu: *Nông nghiệp, nông dân, nông thôn có vị trí chiến lược lâu dài và là nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu trong sự nghiệp phát triển KT-XH của đất nước ta.* [↑](#footnote-ref-25)
26. Kết quả khảo sát mức sống dân cư năm 2022, kết quả khảo sát sơ bộ mức sống dân cư năm 2023 của Tổng cục Thống kê: thu nhập bình quân đầu người năm 2023 ước đạt 4,95 triệu đồng/người/tháng, tăng gần 280 nghìn đồng/người/tháng, tương ứng với tăng 5,9% so với thu nhập bình quân năm 2022. [↑](#footnote-ref-26)